

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 6 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Quyền;
- Ông Nguyễn Thế Tự.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-HN, ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng Sơn, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Hoàng S (Sau đây gọi **chị S**) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Hoàng Sơn (Sau đây gọi **anh S**) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không quan tâm đến đời sống vợ chồng, còn thể hiện tình cảm với người phụ

nữ khác. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hay cãi vã nhau, đời sống chung không ai quan tâm đến ai, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thành. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, **chị Son** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với **anh S**.

-Về con chung: **Có một người con chung tên Nguyễn Hoàng Y (Nữ), sinh ngày 08 tháng 4 năm 2019. Hiện con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị S yêu cầu nuôi con, chưa yêu cầu cấp dưỡng.**

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình tố tụng bị đơn **Nguyễn Hoàng S** vắng mặt nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn, nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn **Nguyễn Hoàng S** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị **S** và anh **S** qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân **phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang** nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Son**: Chị và anh **S** trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện hòa giải để anh chị được đoàn tụ nhưng anh **S vắng mặt**, chứng tỏ rằng **anh S** cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi đó, tại phiên tòa chị **S** xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh **S** và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **S**.

[5] Về con chung: Có một người con chung, xét con chung do chị **S** nuôi dưỡng, chị **S** có yêu cầu nuôi con. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, **cần tiếp tục giao cháu Y cho** chị **S** nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị **Son, anh Son** có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị **S chưa có yêu cầu** cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho **anh S** mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị **S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.**

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa **Nguyễn Hoàng S** và **Nguyễn Hoàng S**.
2. Về nuôi con chung: **Giao cháu Nguyễn Hoàng Y (Nữ), sinh ngày 08 tháng 4 năm 2019** cho **Nguyễn Hoàng S** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị **S, anh S** có yêu cầu khác.

Nguyễn Hoàng Son chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho **Nguyễn Hoàng S** mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: **Nguyễn Hoàng S** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0001925, ngày 04 tháng 4 năm 2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND **p.Hiệp Thành,**
Tp.Ngã Bảy, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm